TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN KHÁNH
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 45 / 2019 / HS-ST
Ngày: 24 / 9 / 2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN KHÁNH, TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Nhật Trung**.**

- Các Hội thẩm nhân dân: Ông An Văn Đương và bà Phạm Thị Mai.

- Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà Đinh Thị Hồng Huệ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên toà: Ông Phạm Xuân Đình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 40/ 2019/TLST-HS ngày 03 tháng 7 năm 2019, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2019/ QĐXXST- HS ngày 16 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03 ngày 30 tháng 8 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Văn Đ - Sinh năm 1987; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đăng K và bà Nguyễn Thị L; có vợ: Là Đặng Thị Thanh H; về con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn "Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

2. Họ và tên: Đặng Thị Thanh H - Sinh năm 1987; nơi sinh: Tại tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; là đảng viên (hiện đang bị đình chỉ sinh hoạt đảng); trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Thanh H và bà Phạm Thị H; có chồng: Là Nguyễn Văn Đ; về con chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn " Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú", có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Ngọc S; sinh năm 1984; trú tại: Xóm 1, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

2. Anh Phạm Minh Q; sinh năm 1981; trú tại: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

3. Anh Vũ Ngọc D; sinh năm 1993; trú tại: Xóm Bến X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

4. Anh Đỗ Mạnh H; sinh năm 1986; trú tại: Xóm Tây P, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

5. Anh Dương Văn H; sinh năm 1987; trú tại: Xóm Tây P, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

6. Anh Nguyễn Anh Đ; sinh năm 1990; trú tại: Xóm Chợ X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

7. Anh Đỗ Quốc H; sinh năm 1988; trú tại: Xóm Phú H, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

8. Anh Đầu Xuân K; sinh năm 1996; trú tại: Xóm Bến X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

9 Anh Phạm Quyết T; sinh năm 1992; trú tại: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

10. Anh Phạm Văn T; sinh năm 1982; trú tại: Xóm Phú H, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

11. Anh Trần Văn T; sinh năm 1992; trú tại: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

12. Anh Nguyễn Trường V; sinh năm 1984; trú tại: Phố 1, phường Đông T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

13. Anh Nguyễn Văn X; sinh năm 1992; trú tại: Xóm 3, Nam C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

14. Anh Nguyễn Hữu N; sinh năm 1989; trú tại: Xóm Chợ X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

15. Anh Nguyễn Minh Luật; sinh năm 1988; trú tại: Xóm Cầu, xã Khánh Thiện, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

16. Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1987; trú tại: Xóm 10, xã Khánh M, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

17. Anh Bùi Trọng T; sinh năm 1989; trú tại: Xóm 7, Đông C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

18. Anh Tống Minh N; sinh năm 1995; trú tại: Xóm 5 B, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

19. Anh Mai Châu G; sinh năm 1983; trú tại: Xóm 1A, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

20. Anh Phạm Mạnh K; sinh năm 1987; trú tại: Thôn 20, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

21. Anh Phạm Văn B; sinh năm 1996; trú tại: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên

Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

22. Anh Phạm Văn T; sinh năm 1994; trú tại: Xóm Tây P, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Anh Nguyễn Thiện H; sinh năm 1989; trú tại: Xóm Tây P, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Văn D; sinh năm 1985; trú tại: Phố 7, thị trấn Yên N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, vắng mặt.

+ Anh Đinh Văn T; sinh năm 1986; trú tại: Xóm Tiên Y 2, xã Khánh L, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Pham Duy T; sinh năm 1988; trú tại: Xóm Bến X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Việt P; sinh năm 1976; trú tại: Xóm Chợ X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Thái Văn T; sinh năm 1963; trú tại: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Đỗ Mạnh C; sinh năm 1987; trú tại: Xóm Bến X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Hoàng Văn T; sinh năm 1987; trú tại: Xóm Chợ X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Phạm Văn T; sinh năm 1983; trú tại: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

+ Anh Lê Thanh T; sinh năm 1987; trú tại: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 08/01/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Yên Khánh làm việc cùng với Nguyễn Văn Đ để xác minh, làm rõ hành vi đánh bạc của Đ. Quá trình làm việc, ngoài khai nhận về hành vi đánh bạc, Nguyễn Văn Đ đã tự thú về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đồng thời giao nộp cho cơ quan điều tra 01 quyển sổ theo dõi nợ, trong đó Đ và Đặng Thị Thanh H ghi lại các nội dung cho vay tiền và thu lãi đối với nhiều người.

Quá trình điều tra, đủ căn cứ xác định:

Mặc dù không đăng ký, không được cấp phép kinh doanh trong lĩnh vực tài chính nhưng từ năm 2017 đến tháng 01 năm 2019, Nguyễn Văn Đ đã cho 22 người ở tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng với mức lãi suất thấp nhất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương đương mức lãi suất 109,5%/năm), cao nhất là 7.000đồng/1.000.000đồng tiền vay/01 ngày (tương đương mức lãi suất 255,5%/năm), đều gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 2015 (Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất cho vay cao nhất

là không quá 20%/năm). Tính từ ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực) cho đến thời điểm bị phát hiện, tổng số tiền lãi những người vay đã trả cho Đ là 208.150.000 đồng. Trong đó, tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất (20%/năm) được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 34.029.917đồng, tiền thu lời bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng của Nguyễn Văn Đ là 174.120.083 đồng.

Số tiền Nguyễn Văn Đ dùng để cho vay lãi nặng là tiền chung của Đ và vợ Đ là Đặng Thị Thanh H. Việc cho vay, thu lãi, giao nhận tiền được Đ trực tiếp giao dịch hoặc chuyển khoản thông qua tài khoản ngân hàng của Đ hoặc của H. Quá trình cho vay tiền, Nguyễn Văn Đ dùng 01 quyển sổ ghi chép lại việc cho vay, thu lãi để theo dõi. Giai đoạn này, Đặng Thị Thanh H chưa biết, chưa tham gia cùng Đ trong việc cho vay lãi nặng. Đến cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 2018 (Trước thời điểm Đại hội Mặt trận tổ quốc xã Khánh T, huyện Yên Khánh ngày 05/12/2018), Nguyễn Văn Đ nhờ H chép các nội dung Đ cho vay tiền sang 01 quyển sổ khác. Lúc này, H biết rõ việc Đ dùng số tiền chung của vợ chồng để cho vay lãi nặng và H đồng ý tham gia cùng Đ. H chép sổ cho Đ để quản lý, theo dõi. Các trường hợp vay tiền, H ghi cụ thể ngày cho vay, người vay, số tiền cho vay, mức lãi suất, khoảng thời gian và số tiền lãi đã thu, tiền nợ gốc người vay đã trả. Sau lần ghi chép trên, H còn nhiều lần khác ghi chép vào quyển sổ khi có người trả lãi, vay tiền. H cũng đồng ý với việc Đ sử dụng tài khoản ngân hàng của H để thực hiện các giao dịch chuyển tiền và nhận tiền lãi.

Tính từ thời điểm biết và tham gia cho đến khi hành vi phạm tội bị phát hiện, Đặng Thị Thanh H đã đồng ý cùng Nguyễn Văn Đ cho vay lãi nặng, thu lời bất chính đối với 18 người; tổng số tiền lãi những người vay đã trả cho vợ chồng Đ, H kể từ khi H tham gia là 45.800.000 đồng. Trong đó, tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất (20%/năm) được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 7.172.603 đồng, tiền thu lời bất chính là 38.627.397 đồng.

Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, thu lời bất chính của Nguyễn Văn Đ và Đặng Thị Thanh H như sau:

1. Cho Phạm Ngọc S, sinh năm 1984, trú tại xóm 1, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Ngày 02/11/2018, Phạm Ngọc S trực tiếp đến nhà Nguyễn Văn Đ vay tiền. Đ đồng ý cho S vay 10.000.000đồng, lãi suất vay là 3.000đồng/01 triệu/ngày. S đã trả tiền lãi của 61 ngày từ ngày 02/11/2018 đến ngày 02/01/2019 cho Đ, tổng tiền lãi là 1.800.000đồng. Lần trả lãi thứ nhất S trả cho Đ 900.000đồng vào đầu tháng 12/2018. Lần thứ hai, vào đầu tháng 01/2019, S trả cho Đ 900.000 đồng tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 02/12/2018 đến ngày 02/01/2019. Thời điểm này, H đã biết, chép sổ và cùng Đ thu lời bất chính từ việc cho Phạm Ngọc S vay lãi nặng. Sau khi S trả lãi lần thứ hai, H tiếp tục ghi chép, cập nhật việc S trả lãi vào trang 3 quyển sổ để quản lý, theo dõi. Đến thời điểm hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đ và H bị phát hiện, S chưa trả tiền nợ gốc cho Đ.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền thu lời bất chính từ ngày 02/11/2018 đến ngày 02/01/2019 (61 ngày):

- Tiền lãi thực tế đã nhận: 1.800.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm): 10.000.000 đồng x 20%: 365 x 61 ngày = 334.247 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.800.000 - 334.247 = **1.465.753 đồng**.

Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền thu lời bất chính từ ngày 02/12/2018 đến ngày 02/01/2019 (31 ngày):

- Tiền lãi thực tế đã nhận: 900.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm): 10.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 169.863đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 900.000 đồng - 169.863 đồng = **730.137 đồng**.

2. Cho Phạm Minh Q, sinh năm 1981, trú tại xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Ngày 03/6/2018, Phạm Minh Q vay của Nguyễn Văn Đ số tiền là 10.000.000 đồng với mức lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Q đã trả tiền lãi của 214 ngày, từ ngày 03/6/2018 đến ngày 03/01/2019, tổng cộng là 6.300.000 đồng. Lần trả lãi lần cuối cùng vào ngày 04/01/2019, Q trả 900.000 đồng tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 03/12/2018 đến ngày 03/01/2019. Thời điểm này, H đã biết, chép sổ và cùng Đ thu lời bất chính từ việc cho Phạm Minh Q vay lãi nặng. Sau khi Q trả lãi lần cuối, H tiếp tục ghi chép, cập nhật việc Q trả lãi vào trang 5 quyển sổ để quản lý, theo dõi. Đến ngày 07/01/2019, Q chưa trả tiền nợ gốc cho Đ.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền thu lời bất chính từ ngày 03/6/2018 đến ngày 03/01/2019 (214 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 6.300.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm): 10.000.000 đồng x 20%: 365 x 214 ngày = 1.172.603 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 6.300.000 đồng - 1.172.603 đồng = **5.127.397 đồng**.

Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền thu lời bất chính từ ngày 03/12/2018 đến ngày 03/01/2019 (31 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 900.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm): 10.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 169.863 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 900.000 đồng - 169.863 đồng = **730.137 đồng**.

3. Cho Vũ Ngọc D, sinh năm 1993, trú tại xóm Bến Xanh, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Ngày 04/12/2018, Vũ Ngọc D gọi điện cho Nguyễn Văn Đ hỏi vay tiền. Đ đồng ý cho D vay 20.000.000đồng, lãi suất 3.000đ/01 triệu/ngày. Đ chuyển tiền đến số tài khoản 190.3324704.01.6 của D tại Ngân hàng Cổ phần thương mại Kỹ thương Việt Nam 02 lần. Khi chuyển tiền, Đ thu luôn tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 04/12/2018 đến ngày 04/01/2019 là 1.800.000 đồng.

Sau đó, D đã trả cho Đ số tiền 5.000.000 đồng. Còn nợ 15.000.000 đồng. Đ tiếp tục thu của D tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 04/01/2019 đến ngày 04/02/2019 là 1.350.000 đồng.

Thời điểm Đ cho D vay tiền, Đặng Thị Thanh H biết, ghi nội dung cho D vay tiền tại trang 7 sổ ghi nợ và cùng Đ thu lời bất chính từ việc cho D vay lãi nặng. Cụ thể:

Từ ngày 04/12/2018 - 04/01/2019 (31 ngày) với số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng:

- Lãi thực tế đã nhận: 1.800.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm: 20.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 339.726 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.800.000 đồng - 339.726 đồng = **1.460.274 đồng.**

Từ ngày 04/01/2019 - 04/02/2019 (31 ngày) với số tiền nợ gốc 15.000.000 đồng:

- Lãi thực tế đã nhận: 1.350.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm: 15.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 254.795 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.350.000 đồng - 254.795 đồng = **1.095.205 đồng**.

Tổng số tiền thu lời bất chính Đ và H có được từ việc cho Vũ Ngọc D vay lãi nặng là: 1.460.274 đồng + 1.095.205 đồng = 2.555.479 đồng.

4. Cho Đỗ Mạnh H1, sinh năm 1986, trú tại xóm Tây P, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Lần thứ nhất: Ngày 24/11/2018, Nguyễn Văn Đ cho Đỗ Mạnh H1 vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày.

Lần thứ hai: Ngày 29/11/2018, Đ cho H1 vay thêm 20.000.000 đồng, lãi suất thoả thuận 3000 đồng/1 triệu/1 ngày.

H1 đã trả cho Đ tiền lãi của cả 02 khoản vay trên tính đến ngày 04/12/2018, tổng là 1.000.000 đồng.

Lần thứ 3: Ngày 04/12/2018, Đ tiếp tục cho H1 vay thêm 20.000.000 đồng. Lúc này, Khi cho vay, Đ chỉ giao cho H1 19.000.000đồng, Đ thu luôn 1.000.000 đồng tiền lãi của 02 khoản vay trước tính đến ngày 03/12/2018.

Thời điểm này, Đặng Thị Thanh H biết và cùng Đ thu lời bất chính từ việc cho H1 vay lãi nặng. H ghi gộp cả 03 lần cho H1 vay tiền với tổng số tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng; mức lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày cứ sau 10 ngày H1 phải trả lãi 01 lần. H ghi tại trang 8 sổ ghi nợ.

Sau đó, H1 đã trả lãi từ ngày 04/12/2018 đến ngày 04/01/2019. H1 trả tiền lãi 03 lần, mỗi lần 1.800.000 đồng, tổng là 5.400.000 đồng và đều được H ghi cập nhật vào sổ vay nợ.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự riêng đối với khoản tiền lãi, thu lời bất chính từ việc cho H1 vay 02 lần đầu (thời điểm này, H chưa tham gia, chưa phải chịu trách nhiệm hình sự):

- Lãi thực tế đã nhận của cả 02 khoản vay: 1.000.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

+ Khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày 24/11/2018 đến ngày 04/12/2018 (10 ngày): 20.000.000 đồng x 20%: 365 x 10 ngày = 109.589 đồng;

+ Khoản vay 20.000.000 đồng từ ngày 29/11/2018 đến ngày 04/12/2018 (05 ngày): 20.000.000 đồng x 20%: 365 x 5 ngày = 54.795 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.000.000 đồng - 109.589 đồng - 54.795 đồng = **835.616 đồng**.

Đ và H cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản cho vay 60.000.000 từ ngày 04/12/2018 đến ngày 04/01/2019 (31 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 5.400.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự (20%/năm): 60.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 1.019.178 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 5.400.000 đồng - 1.019.178 đồng = **4.380.822 đồng**.

Như vậy, tiền thu lời bất chính Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự là: 835.616 đồng + 4.380.822 đồng = 5.216.438 đồng;

Tiền thu lời bất chính Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự là 4.380.822 đồng.

5. Cho Dương Văn H, sinh năm 1987, trú tại xóm Tây P, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Ngày 05/05/2018, Nguyễn Văn Đ cho Dương Văn H2 vay 20.000.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đ thu luôn tiền lãi của tháng đầu tiên là 1.800.000 đồng. Sau đó, H2 đã trả thêm 06 tháng tiền lãi cho Đ, mỗi tháng 1.800.000 đồng. Tổng tiền lãi Đ đã thu của Dương Văn H2 trong 245 ngày, từ ngày 05/5/2018 đến ngày 05/01/2019 là 14.400.000 đồng.

Lần trả lãi sau cùng, H2 trả vào khoảng cuối tháng 12/2018 đầu tháng 01/2019, sau thời điểm H đã biết, chép sổ và cùng Đ thu lời bất chính từ việc cho H2 vay lãi nặng. Lúc này, H2 trả tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 05/12/2018 đến ngày 05/01/2019 là 1.800.000 đồng; H tiếp tục ghi cập nhật việc H2 trả lãi vào trang 9 sổ ghi nợ để quản lý, theo dõi. Đến thời điểm hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Đ và H bị phát hiện, H2 chưa trả tiền nợ gốc cho Đ.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền lãi, thu lời bất chính từ việc cho H2 vay từ ngày 05/5/2018 – 05/01/2019 (245 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 14.400.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

20.000.000 đồng x 20%: 365 x 245 = 2.684.931 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 14.400.000 đồng – 2.684.931 đồng = **11.715.069 đồng**.

H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản thu lời bất chính từ ngày 05/12/2018 – 05/01/2019 (31 ngày):

+ Lãi thực tế đã nhận: 1.800.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm: 20.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 = 339.726 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 1.800.000 đồng – 339.726 đồng = **1.460.274 đồng**

6. Cho Nguyễn Anh Đ, sinh năm 1990, trú tại xóm Chợ X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay tiền

Lần thứ nhất: Ngày 08/5/2017, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Anh Đ1 vay

20.000.000 đồng, lãi xuất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày; Khi chuyển tiền vay cho Nguyễn Anh Đ1, Nguyễn Văn Đ đã cắt lãi luôn 1 tháng 1.800.000 đồng. Đã trả thêm 4 tháng , mỗi tháng là 1.800.000 đồng. Tổng số tiền lãi Nguyễn Văn Đ đã thu tính đến ngày 08/10/2017 là 9.000.000 đồng (Đối với khoản thu lời bất chính này, Nguyễn Văn Đ không phải chịu trách nhiệm hình sự vì theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999, hành vi cho vay tiền mức lãi xuất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày của Đ không cấu thành tội phạm).

Lần thứ hai: Ngày 17/9/2017, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Anh Đ1 vay 10.000.000 đồng lãi xuất thỏa thuận 3000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi này, Nguyễn Văn Đ gộp tổng cả 02 lần Nguyễn Anh Đ1 vay tiền để tính lãi. Nguyễn Văn Đ tính lãi bắt đầu từ ngày 08/10/2017 với tổng số tiền vay là 30.000.000 đồng, mỗi tháng là 2.700.000 đồng tiền lãi. Sau đó, Nguyễn Văn Đ đã thu tiền lãi tính đến ngày 07/5/2018. Thực tế, Nguyễn Văn Đ thu tổng tiền lãi là 18.700.000 đồng. Trong đó tiền lãi của 128 ngày, từ ngày 01/01/2018 đến ngày 08/5/2018, Nguyễn Văn Đ chỉ thu 11.320.000 đồng, cho Nguyễn Anh Đ1 200.000 đồng tiền lãi của năm 2018.

Lần thứ ba: Đầu tháng 5/2018, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Anh Đ1 vay thêm 20.000.000 đồng. Các đối tượng thống nhất gộp cả 03 lần vay với tổng số tiền nợ gốc là 50.000.000 đồng, bắt đầu tính lãi kể từ ngày 08/5/2018, mỗi tháng 4.500.000đồng. Sau đó, Nguyễn Anh Đ1 đã trả lãi của 245 ngày tính đến ngày 08/01/2019 (Các đối tượng tính lãi 08 tháng), tổng tiền lãi là 36.000.000 đồng.

Việc cho Nguyễn Anh Đ1 vay nợ, Đặng Thị Thanh H ghi chép tại trang 15 của sổ ghi nợ. Ngày 13/12/2018, Nguyễn Anh Đ1 chuyển khoản đến tài khoản của H trả 4.500.000đồng tiền lãi từ 08/12/2018, 08/01/2019, H tiếp tục ghi vào sổ để quản lý, theo dõi.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính tính từ ngày 01/01/2018 (Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực), cụ thể:

- *Tiền vay 30.000.000 đồng, từ ngày 01/01/2018 - 08/5/2018 (128 ngày):*

+ Tiền lãi thực tế đã thu của 128 ngày là:

(90.000 đồng x 128) – 200.000 đồng = 11.320.000 đồng.

+ Tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm:

30.000.000 đồng x 20%: 365 x 128 ngày = 2.104.110 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 11.320.000 đồng – 2.104.110 đồng = 9.215.890 đồng.

- *Tiền vay 50.000.000* đồng *từ ngày 08/5/2018 - 08/01/2019 (245 ngày):*

+ Tiền lãi thực tế đã nhận: 36.000.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm:

50.000.000 đồng x 20%: 365 x 245 ngày = 6.712.329 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 36.000.000 đồng – 6.712.329 đồng = 29.287.671 đồng.

Tổng tiền thu lời bất chính của Đức là:

9.215.890 đồng + 29.287.671 đồng = **38.503.561đồng**.

Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự về khoản thu lời bất chính từ ngày 08/12/2018 – 08/01/2019 (31 ngày) trên số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng:

+ Lãi thực tế đã nhận: 4.500.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

50.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 849.315 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 4.500.000 đồng – 849.315 đồng = **3.650.685 đồng.**

7. Cho Đỗ Quốc H, sinh năm 1988, trú tại xóm Phú H, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng.

Ngày 06/10/2018, Nguyễn Văn Đ cho Đỗ Quốc H1 vay số tiền 10.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi vay Đ đã thu luôn 1.500.000 đồng tiền lãi của 01 tháng. Sau đó, H1 đã trả lãi thêm tiền lãi 02 tháng, mỗi tháng 1.500.000 đồng. Tổng cộng tiền lãi của 92 ngày, từ ngày 08/10/2018 đến ngày 08/01/2019 H1 đã trả cho Đ là 4.500.000 đồng.

Nội dung vay và trả lãi của Đỗ Quốc H1 được Đặng Thị Thanh H ghi tại trang 16 của sổ ghi nợ. Khi H1 trả cho Đ 1.500.000 đồng tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 08/12/2018 đến ngày 08/01/2019, H tiếp tục ghi vào sổ để theo dõi, quản lý.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính từ ngày 08/10/2018 – 08/01/2019 (92 ngày)

- Lãi thực tế đã nhận: 4.500.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 92 ngày = 504.110 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 4.500.000 đồng – 504.110 đồng = **3.995.890 đồng**.

H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản lãi, thu lời bất chính từ ngày 08/12/2018 – 08/01/2019 (31 ngày):

+ Lãi thực tế đã nhận: 1.500.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm: 10.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 169.863 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 1.500.000 đồng – 169.863 đồng = **1.330.137đồng**.

8. Cho Đầu Xuân K, sinh năm 1996, trú tại xóm Bến X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Ngày 12/9/2018, Nguyễn Văn Đ cho Đầu Xuân K vay số tiền 15.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/ 1 ngày. Thực tế, Đ chỉ thu tiền lãi của 122 ngày, từ ngày 12/9/2018 đến ngày 12/01/2019 tổng cộng là 8.800.000 đồng, tiền lãi còn lại Đ cho K.

Nội dung vay và trả lãi của K được Đặng Thị Thanh H ghi tại trang 23 của sổ ghi nợ. Sau đó, khi K trả 2.250.000 đồng tiền lãi từ ngày 12/12/2018 đến ngày 12/01/2019, H tiếp tục ghi vào sổ để theo dõi, quản lý.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính từ ngày 12/9/2018 – 12/01/2019 (122 ngày)

- Lãi thực tế đã nhận: 8.800.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

15.000.000 đồng x 20%: 365 x 122 ngày = 1.002.740 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 8.800.000 đồng – 1.002.740 đồng = **7.797.260 đồng**.

H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền thu lời bất chính từ ngày 12/12/2018 – 12/01/2019 (31 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 2.250.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm: 15.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 254.795 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 2.250.000 đồng – 254.795 đồng = **1.995.205 đồng.**

9. Cho Phạm Quyết T, sinh năm 1992, trú tại xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Lần thứ nhất: Ngày 12/7/2018, Nguyễn Văn Đ cho Phạm Quyết T vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Thực tế, Đ đã thu tiền lãi của 184 ngày, từ ngày 12/7/2018 đến ngày 12/01/2019 tổng là 5.400.000 đồng. Nội dung vay và trả lãi của T được Đặng Thị Thanh H ghi tại trang 23 của sổ ghi nợ. Ngày 12/12/2018, khi T trả 900.000 đồng tiền lãi của 31 ngày (từ ngày 12/12/2018 đến ngày 12/01/2019), H tiếp tục ghi vào sổ để theo dõi, quản lý.

Lần thứ hai: Ngày 29/7/2018, Đ cho T vay 10.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Thực tế, Đ đã thu tiền lãi của 184 ngày, từ ngày 29/7/2018 đến ngày 29/01/2019 tổng là 5.400.000 đồng. Nội dung vay và trả lãi này của T được Đặng Thị Thanh H ghi tại trang 68 của sổ ghi nợ. Ngày 29/12/2018, khi T trả 900.000 đồng tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 29/12/2018 đến ngày 29/01/2019, H tiếp tục ghi vào sổ để theo dõi, quản lý.

Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, T đã trả hết tiền nợ gốc cho Đ. Các bên không phải thanh toán cho nhau số tiền lãi nào.

Tiền thu lời bất chính Nguyễn Văn Đ có được từ 02 lần cho T vay tiền như sau:

Tiền vay 10.000.000 đồng từ ngày 12/7/2018 – 12/01/2019 (184 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 5.400.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 184 ngày = 1.008.219 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 5.400.000 đồng – 1.008.219 đồng = 4.391.781 đồng.

Tiền vay 10.000.000 đồng từ ngày 29/7/2018 – 29/01/2019 (184 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 5.400.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 184 ngày = 1.008.219 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 5.400.000 đồng – 1.008.219 đồng = 4.391.781 đồng.

Tổng tiền thu lời bất chính của Đ là: **8.783.562 đồng.**

Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính trong 31 ngày của cả 02 khoản vay (tổng nợ gốc 20.000.000đồng) như sau:

- Tiền lãi của 31 ngày mà Đ và H đã thực tế đã nhận của cả 02 khoản vay: 1.800.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm: 20.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 339.726 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 1.800.000 đồng – 339.726 đồng = **1.460.274 đồng**.

10. Cho Phạm Văn T, sinh năm 1982, trú tại xóm Phú H, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Ngày 14/11/2018, Nguyễn Văn Đ cho Phạm Văn T vay 15.000.000 đồng, lãi 3.000 đồng/1 triệu/ngày. Các đối tượng thống nhất cứ 20 ngày trả lãi 01 lần là 900.000 đồng.

Nội dung vay và trả lãi của T được Đặng Thị Thanh H ghi tại trang 27 của sổ ghi nợ. Sau đó, T trả tiền lãi của 40 ngày, từ ngày 14/11/2018 đến ngày 24/12/2018, tổng là 1.800.000 đồng. H tiếp tục ghi vào sổ để theo dõi, quản lý.

Nguyễn Văn Đ và Đặng Thị Thanh H cùng phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền thu lời bất chính từ việc cho Phạm Văn T vay lãi nặng.

+ Lãi thực tế đã nhận của 40 ngày: 1.800.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

15.000.000 đồng x 20%: 365 x 40 ngày = 328.767 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 1.800.000 đồng – 328.767 đồng = **1.471.233 đồng**.

11. Cho Trần Văn T, sinh năm 1992, trú tại xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Lần thứ nhất: Ngày 14/10/2018, Nguyễn Văn Đ cho Trần Văn T vay 10.000.000 đồng, lãi suất là 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn 900.000 đồng tiền lãi của 01 tháng. Sau đó T trả thêm 02 lần lãi nữa vào ngày 14/11/2018 và ngày 14/12/2018, mỗi lần 900.000 đồng. Tổng tiền lãi của 92 ngày tính đến ngày 14/01/2019 mà Đ đã thu của Trần Văn T là 2.700.000 đồng.

Nội dung vay và trả lãi trên, được Đặng Thị Thanh H ghi tại trang 28 của sổ ghi nợ. Sau đó, T trả tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 14/12/2018 đến ngày 14/01/2019 là 900.000 đồng, H tiếp tục ghi vào sổ để theo dõi, quản lý.

Lần thứ hai: Ngày 26/12/2018, Đ cho T vay thêm 5.000.000 đồng, lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn 450.000 đồng tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/01/2019. Đặng Thị Thanh H ghi việc cho T vay nợ tại trang 61 sổ ghi nợ để theo dõi quản lý.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính của 02 khoản vay:

Khoản vay 10.000.000 đồng từ ngày 14/10/2018 – 14/01/2019 (92 ngày)

- Lãi thực tế đã nhận: 2.700.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 92 ngày = 504.110 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 2.700.000 đồng – 504.110 đồng = 2.195.890 đồng.

Khoản vay 5.000.000 đồng từ ngày 26/12/2018 – 26/01/2019 (31 ngày)

- Lãi thực tế đã nhận: 450.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

5.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 84.931đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 450.000 đồng – 84.931 đồng = 365.069 đồng.

Tổng tiền thu lời bất chính của Đ là: **2.560.959 đồng.**

Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với số tiền thu lời bất chính có được kể từ thời điểm H biết và tham gia:

Khoản vay 10.000.000 đồng từ ngày 14/12/2018 – 14/01/2019 (31 ngày)

- Lãi thực tế đã nhận: 900.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:
10.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 169.863 đồng;
- Tiền thu lời bất chính: 900.000 đồng – 169.863 đồng = 730.137 đồng.
Khoản vay 5.000.000 đồng từ ngày 26/12/2018 – 26/01/2019 (31 ngày):
- Lãi thực tế đã nhận: 450.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:
5.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 84.931 đồng;
- Tiền thu lời bất chính: 450.000 đồng – 84.931 đồng = 365.069 đồng.
Tổng tiền thu lời bất chính của H là: **1.095.206 đồng.**

12. Cho Nguyễn Trường V, sinh năm 1984, trú tại phố 1, phường Đông T, thành phố Ninh Bình vay lãi nặng

Lần thứ nhất: Ngày 18/8/2018, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Trường V vay 30.000.000 đồng, lãi xuất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn tiền lãi của 10 ngày là 1.500.000 đồng. Sau đó, V đã đến trả tiền lãi đến 08/9/2018 là 1.500.000 đồng và trả luôn 30.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tổng tiền lãi Đ thu của Nguyễn Trường V trong 21 ngày là 3.000.000 đồng. Nội dung cho Nguyễn Trường V vay được Đ ghi tại trang 37 sổ ghi nợ. Thời điểm Đ cho vay, thu lời bất chính của lần này, H không biết, không tham gia.

Lần thứ hai: Ngày 18/12/2018 (thời điểm này H đã biết và tham gia cùng Đ cho vay lãi nặng), Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Trường V vay 30.000.000 đồng, lãi xuất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. V đã trả lãi 02 lần, tổng 3.000.000 đồng tiền lãi của 21 ngày, từ ngày 18/12/2018 đến ngày 08/01/2019. Đặng Thị Thanh H ghi nội dung V trả tiền lãi tại trang 37 sổ ghi nợ.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính của cả 02 khoản cho vay:

Khoản cho vay 30.000.000 đồng ngày 18/8/2018:
- Lãi thực tế đã nhận của 21 ngày: 3.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:
30.000.000 đồng x 20%: 365 x 21 ngày = 345.205 đồng;
- Tiền thu lời bất chính: 3.000.000 đồng – 345.205 đồng = 2.654.795 đồng.
Khoản cho vay 30.000.000 đồng ngày 18/12/2018:
- Lãi thực tế đã nhận của 21 ngày: 3.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:
30.000.000 đồng x 20%: 365 x 21 ngày = 345.205 đồng;
- Tiền thu lời bất chính: 3.000.000 đồng – 345.205 đồng = 2.654.795 đồng.
Tổng tiền thu lời bất chính của Đ là: **5.309.590 đồng.**

Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính của khoản cho vay 30.000.000 đồng ngày 18/12/2018:
- Lãi thực tế đã nhận của 21 ngày là : 3.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:
30.000.000 đồng x 20%: 365 x 21 = 345.205 đồng;
- Tiền thu lời bất chính: 3.000.000 đồng – 345.205 đồng = **2.654.795 đồng**.

13. Cho Nguyễn Văn X, sinh năm 1992, trú tại xóm 3 Nam C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Ngày 21/11/2018, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Văn X vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn tiền lãi của 30 ngày, từ ngày 21/11/2018 đến ngày 21/12/2018 là 1.500.000 đồng.

Nội dung cho vay và thu lãi của Nguyễn Văn X, được Đặng Thị Thanh H ghi tại trang 49 của sổ ghi nợ. Sau đó, ngày 21/12/2018, X trả thêm 1.500.000 đồng, H tiếp tục ghi vào sổ để theo dõi, quản lý. Tuy nhiên, ngày 11/01/2019, X đến trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc cho Đ nên Đ chỉ lấy 1.000.000 đồng tiền lãi của 21 ngày (Từ ngày 21/12/2018 đến ngày 11/01/2019) và trả lại cho X 500.000 đồng tiền thừa. Tổng tiền lãi Đ đã thu của Nguyễn Văn X trong 51 ngày là 2.500.000 đồng.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính trong 51 ngày, từ ngày 21/11/2018 – 11/01/2019:

- Lãi thực tế đã nhận: 2.500.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 51 ngày = 279.452 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 2.500.000 đồng – 279.452 đồng = **2.220.548 đồng**.

Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính trong 21 ngày, từ ngày 21/12/2018 – 11/01/2019:

- Lãi thực tế đã thu: 1.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 21 ngày = 115.068 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.000.000 đồng – 115.068 đồng = **884.932 đồng**.

14. Cho Nguyễn Hữu N, sinh năm 1989, trú tại xóm Chợ X, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Ngày 27/7/2017, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Hữu N vay 10.000.000 đồng, lãi xuất 3.000 đồng /1 triệu/1 ngày. Quá trình cho vay, Đ đã thu tiền lãi của N từ ngày 27/7/2017 đến ngày 31/12/2017 là 4.620.000 đồng và từ ngày 01/01/2018 đến ngày 27/12/2018 là 10.680.000 đồng.

Đầu tháng 12/2018, Đặng Thị Thanh H chép lại nội dung cho Nguyễn Hữu N vay tiền tại trang 63 sổ ghi nợ. Sau đó, N trả 900.000 đồng tiền lãi của 30 ngày, từ ngày 27/11/2018 đến ngày 27/12/2018, H cập nhật vào sổ ghi nợ để theo dõi, quản lý.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm về số tiền thu lời bất chính trong 361 ngày, từ ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực) đến ngày 27/12/2018:

- Lãi thực tế đã nhận: 10.680.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 361 ngày = 1.978.082 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 10.680.000 đồng – 1.978.082 đồng = **8.701.918 đồng.**

H phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính trong 30 ngày, từ ngày 27/11/2018 – 27/12/2018:

- Lãi thực tế đã nhận: 900.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 30 ngày = 164.384 đồng;

- Tiền thu lời bất chính của H: 900.000 đồng – 164.384 đồng = **735.616 đồng.**

15. Cho Nguyễn Minh L, sinh năm 1988, trú tại xóm C, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình

Lần thứ nhất: Ngày 28/10/2018, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Minh L vay 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/1 ngày. Khi cho vay Đ thu luôn 750.000 đồng tiền lãi 01 tháng. Sau đó đã L trả thêm 02 tháng nữa. Tổng cộng tiền lãi Đ đã thu của Nguyễn Minh L trong 92 ngày, từ ngày 28/10/2018 đến ngày 28/01/2019 là 2.250.000 đồng.

Khi biết và tham gia cùng Đ cho vay lãi nặng, Đặng Thị Thanh H chép lại nội dung cho Nguyễn Minh L vay tiền tại trang 65 sổ ghi nợ. Sau đó, cuối tháng 12/2018, L trả 750.000 đồng tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 28/12/2018 đến ngày 28/01/2019, H cập nhật vào sổ ghi nợ để theo dõi, quản lý.

Lần thứ hai: Ngày 30/11/2018, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Minh L vay thêm 5.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/01 triệu/1 ngày. Khi cho vay Đ thu luôn 750.000 đồng tiền lãi 01 tháng. Sau đó đã L trả thêm 01 tháng tiền lãi nữa. Tổng cộng tiền lãi Đ đã thu của Nguyễn Minh L trong 61 ngày, từ ngày 30/11/2018 đến ngày 30/01/2019 là 1.500.000 đồng.

Đặng Thị Thanh H chép lại nội dung cho vay này tại trang 69 sổ ghi nợ. Sau đó, cuối tháng 12/2018, L trả 750.000 đồng tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 30/12/2018 đến ngày 30/01/2019, H tiếp tục cập nhật vào sổ ghi nợ để theo dõi, quản lý.

Sau khi, hành vi của Đ bị phát hiện, L đã trả 10.000.000 đồng tiền nợ gốc của cả 02 lần vay cho Đ. Các bên không thanh toán cho nhau số tiền lãi nào khác.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm về số tiền thu lời bất chính như sau.

Tiền cho vay 5.000.000đồng, từ ngày 28/10/2018 – 28/01/2019 (92 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 2.250.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

5.000.000 đồng x 20%: 365 x 92 = 252.055 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 2.250.000 đồng - 252.055 đồng = 1.997.945 đồng.

Tiền cho vay 5.000.000 đồng, từ ngày 30/11/2018 – 30/01/2019 (61 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 1.500.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

5.000.000 đồng x 20%: 365 x 61 = 167.123 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.500.000 đồng – 167.123 đồng = 1.332.877 đồng.

Tổng tiền thu lời bất chính của Nguyễn Văn Đ là :

1.997.945 đồng + 1.332.877 đồng = **3.330.822 đồng**.

H phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính của cả hai khoản vay (Tổng 10.000.000 đồng) từ tháng 12/2018 – tháng 01/2019 (31 ngày):

- Lãi thực tế đã nhận: 1.500.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 169.864 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.500.000 đồng – 169.864 đồng = **1.330.136 đồng**.

16. Cho Nguyễn Văn T, sinh năm 1987, trú tại xóm 10, xã Khánh M, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Lần thứ nhất: Ngày 28/10/2018, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Văn T vay 50.000.000 đồng, lãi xuất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn 7.500.000 đồng tiền lãi của 01 tháng, từ ngày 28/10/2018 đến ngày 28/11/2018.

Khi biết và tham gia cùng Đ cho vay lãi nặng, Đặng Thị Thanh H ghi nội dung vay, thu lãi của Nguyễn Văn T tại trang 66 sổ ghi nợ. Đến ngày 18/12/2018, T trả tiền lãi của 20 ngày, từ ngày 28/11/2018 đến ngày 18/12/2018 là 5.000.000 đồng và trả luôn 50.000.000 đồng tiền nợ gốc cho Đ. Tổng tiền lãi của 51 ngày T đã trả cho Đ là 12.500.000 đồng.

Lần thứ hai: Ngày 14/11/2018, Nguyễn Văn Đ cho Nguyễn Văn T vay thêm 50.000.000 đồng, lãi xuất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn 3.750.000 đồng tiền lãi của 15 ngày, từ ngày 14/11/2018 đến ngày 29/11/2018. Đến cuối tháng 11/2018, T đã trả hết tiền nợ gốc cho Đ.

Lần thứ ba: Ngày 19/12/2018, Đ cho T vay 50.000.000 đồng, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn 5.000.000 đồng tiền lãi của 21 ngày, từ ngày 19/12/2018 đến ngày 09/01/2019. Thời điểm này, Đặng Thị Thanh H đã biết và tham gia cùng Đ cho vay lãi nặng. H ghi nội dung vay, thu lãi này của Nguyễn Văn T tại trang 66 sổ ghi nợ

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm về số tiền thu lời bất chính của cả 03 khoản cho vay như sau:

Khoản cho vay 50.000.000 đồng, thời gian 51 ngày từ ngày 28/10/2018 đến ngày 18/12/2018:

- Lãi thực tế đã nhận: 12.500.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

50.000.000 đồng x 20%: 365 x 51 ngày = 1.397.260 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 12.500.000 đồng - 1.397.260 đồng = 11.102.740 đồng.

Khoản cho vay 50.000.000 đồng, thời gian 15 ngày từ ngày 14/11/2018 đến ngày 29/11/2018:

- Lãi thực tế đã nhận: 3.750.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

50.000.000 đồng x 20%: 365 x 15 ngày = 410.959 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 3.750.000 đồng – 410.959 đồng = 3.339.041 đồng.

Khoản cho vay 50.000.000 đồng, thu lãi 21 ngày, từ ngày 19/12/2018 đến ngày 09/01/2019 :

- Tiền lãi thực tế đã thu: 5.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

50.000.000 đồng x 20%: 365 x 21 ngày = 575.342 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 5.000.000 đồng – 575.342 đồng = 4.424.658 đồng.

Tổng tiền thu lời bất chính Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự là: 11.102.740 đồng + 3.339.041 đồng + 4.424.658 đồng = **18.866.439 đồng**

Đặng Thị Thanh H không phải chịu trách nhiệm hình sự đối với khoản tiền Đ cho vay ngày 14/11/2018, vì thời điểm Đ cho vay, thu lãi, H không biết, không tham gia. H phải chịu trách nhiệm hình sự đối với 02 khoản cho vay có thu lãi sau ngày 05/12/2018. Cụ thể:

Lần thứ nhất, tiền nợ gốc 50.000.000 đồng, thu lãi của của 20 ngày, từ ngày 28/11/2018 đến ngày 18/12/2018:

- Tiền lãi thực tế đã thu: 5.000.000 đồng
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

50.000.000 đồng x 20%: 365 x 20 ngày = 547.945 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 5.000.000 đồng - 547.945 đồng = 4.452.055 đồng.

Lần thứ ba, nợ gốc 50.000.000 đồng, thu lãi của 21 ngày, từ ngày 19/12/2018 đến ngày 09/01/2019 :

- Lãi thực tế đã nhận: 5.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

50.000.000 đồng x 20%: 365 x 21 ngày = 575.342 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 5.000.000 đồng - 575.342 đồng = 4.424.658 đồng.

Tiền thu lời bất chính Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự: 4.452.055 đồng + 4.424.658 đồng = **8.876.713 đồng.**

17. Cho Bùi Trọng T, sinh năm 1989, trú tại xóm 7 Đông C, xã Khánh C, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Lần thứ nhất: Ngày 29/10/2018, Nguyễn Văn Đ cho Bùi Trọng T vay 15.000.000 đồng, lãi xuất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn 1.350.000 đồng tiền lãi tính đến ngày 29/11/2018. Sau đó, Đ đã thu thêm tiền lãi của 61 ngày, từ ngày 29/11/2018 đến ngày 29/01/2019 là 2.700.000 đồng.

Khi biết và đồng ý tham gia cùng Đ cho vay lãi nặng, Đặng Thị Thanh H ghi nội dung việc T vay tiền, trả lãi tại trang 67 sổ ghi nợ để theo dõi, quản lý.

Lần thứ hai: Ngày 29/12/2018, Đức cho Bùi Trọng T vay thêm 10.000.000 đồng, lãi xuất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn 900.000 đồng tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 29/12/2018 đến 29/01/2019.

Việc cho Đ cho T vay tiền lần thứ hai, H không biết. Đ ghi tại trang 67 sổ ghi nợ (sau lần vay thứ nhất) để theo dõi, quản lý.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm về số tiền thu lời bất chính của cả 02 khoản cho vay như sau:

Lần thứ nhất, tiền nợ gốc 15.000.000 đồng, thu lãi của của 92 ngày, từ ngày 29/10/2018 đến ngày 29/01/2019:

- Tiền lãi thực tế đã thu: 4.050.000 đồng
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

15.000.000 đồng x 20%: 365 x 92 ngày = 756.164 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 4.050.000 đồng – 756.164 đồng = 3.293.836 đồng.

Lần thứ hai, nợ gốc 10.000.000 đồng, thu lãi của 31 ngày, từ ngày 29/12/2018 đến ngày 29/01/2019 :

- Lãi thực tế đã nhận: 900.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 169.863 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 900.000 đồng – 169.863 đồng = 730.137 đồng.

Tổng tiền thu lời bất chính của Nguyễn Văn Đ:

3.293.836 đồng + 730.137 đồng = **4.023.973 đồng**.

Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự về khoản thu lời bất chính trong 31 ngày, từ ngày 29/12/2018 đến ngày 29/01/2019 của lần cho vay thứ nhất, nợ gốc 15.000.000 đồng:

- Tiền lãi thực tế đã thu: 1.350.000 đồng
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

15.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 254.795 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 1.350.000 đồng – 254.795 đồng = **1.095.205 đồng**.

18. Cho Tống Minh N, sinh năm 1995, trú tại xóm 5B, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng

Lần thứ nhất: Tháng 7/2018, Nguyễn Văn Đ cho Tống Minh N vay 10.000.000 đồng. Các đối tượng thỏa thuận tiền lãi phải trả là 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Tuy nhiên, quá trình thu lãi, Đ tính tiền lãi mỗi tháng là 2.000.000đồng. Đ đã thu tiền lãi của 62 ngày, từ tháng 7 đến tháng 9/2018, tổng là 4.000.000 đồng. Đ tính tiền lãi từ tháng 9 đến tháng 10/2018 (30 ngày) là 2.000.000 đồng và cho N nợ.

Lần thứ hai: Ngày 30/8/2018, Đức cho N vay thêm số tiền 25.000.000 đồng, tiền lãi thỏa thuận là 4.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn 3.000.000 đồng tiền lãi của 31 ngày (Từ ngày 30/8/2018 đến ngày 30/9/2018). Sau đó, Đ tính tiền lãi của 30 ngày (Từ ngày 30/9/2018 đến ngày 30/10/2018) là 3.000.000 đồng và cho N nợ.

Đến ngày 15/11/2018, N trả cho Đ 10.000.000 đồng tiền nợ gốc. Lúc này, các đối tượng thống nhất số tiền N còn nợ Đ như sau: Số tiền nợ gốc của cả 02 lần vay còn nợ là 25.000.000 đồng; tiền lãi còn nợ từ tháng 9 đến tháng 10/2018 (30 ngày) của lần vay thứ nhất là 2.000.000 đồng; tiền lãi còn nợ từ ngày 30/9/2018 đến ngày 30/10/2018 (30 ngày) của lần vay thứ hai là 3.000.000 đồng (Đ cho N số tiền lãi còn lại tính đến ngày 30/11/2018, của cả 02 khoản vay). Tổng cộng, N còn nợ Đ cả tiền nợ gốc và nợ lãi là 30.000.000 đồng.

Đức bắt đầu tính lãi trên số tiền nợ 30.000.000 đồng từ ngày 30/11/2018, tiền lãi là 3.000 đồng/01 triệu/01 ngày. N đã trả 900.000 đồng tiền lãi từ ngày 30/11/2018 đến ngày 10/12/2018 cho Nguyễn Văn Đ.

Khi H biết và tham gia chép sổ, H ghi nội dung vay, trả lãi của N tại trang 69 sổ ghi nợ. Sau đó, N đã 03 lần trả tiền lãi, tổng là 2.700.000 đồng của 31 ngày, từ ngày 10/12/2018 đến ngày 10/01/2019. H đều ghi cập nhật vào sổ để quản lý, theo dõi.

Nguyễn Văn Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính như sau:

Lần thứ nhất, tiền nợ gốc 10.000.000 đồng, thu lãi của 92 ngày:

- Tiền lãi đã thu: 6.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 92 ngày = 504.110 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 6.000.000 đồng – 504.110 đồng = 5.495.890 đồng.

Lần thứ hai, tiền nợ gốc 25.000.000 đồng, thu lãi của 61 ngày, từ ngày 30/8/2018 đến ngày 30/10/2018:

- Tiền lãi đã thu: 6.000.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

25.000.000 đồng x 20%: 365 x 61 ngày = 835.616 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 6.000.000 đồng – 835.616 đồng = 5.164.384 đồng.

Tiền nợ gốc 30.000.000 đồng, thu lãi của 41 ngày, từ ngày 30/11/2018 đến ngày 10/01/2019:

- Tiền lãi đã thu: 3.600.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

30.000.000 đồng x 20%: 365 x 41 ngày = 673.973 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 3.600.000 đồng – 673.973 đồng = 2.926.027 đồng.

Tổng tiền thu lời bất chính của Nguyễn Văn Đ:

5.495.890 đồng + 5.164.384 đồng + 2.926.027 đồng = **13.586.301 đồng**.

Đặng Thị Thanh H phải chịu trách nhiệm hình sự về số tiền thu lời bất chính trong 31 ngày, từ ngày 10/12/2018 – 10/01/2019 của số tiền nợ gốc 30.000.000 đồng.

- Lãi thực tế đã nhận: 2.700.000 đồng;
- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

30.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 = 509.589 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 2.700.000 đồng – 509.589 đồng = 2.190.411 đồng.

19. Nguyễn Văn Đ cho Mai Châu G, sinh năm 1983, trú tại xóm 1A, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng (Đặng Thị Thanh H không phải chịu trách nhiệm hình sự về lần cho vay này)

Ngày 05/10/2018, Nguyễn Văn Đ cho Mai Châu G vay số tiền 5.000.000 đồng với mức lãi suất là 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đ đã thu tiền lãi của 61 ngày, từ ngày 05/10/2018 đến ngày 05/12/2018 là 1.500.000 đồng. Từ thời điểm H biết và tham gia cùng Đ trong việc cho vay lãi nặng cho đến khi bị phát hiện, Đ và H không thu thêm tiền lãi của G số tiền lãi nào. Như vậy, H không phải chịu trách nhiệm hình sự về khoản tiền thu lời bất chính từ việc cho G vay lãi nặng trước thời điểm H ghi sổ, tham gia.

Đ phải chịu trách nhiệm hình sự về khoản thu lời bất chính từ ngày 05/10 – 05/12/2018 (61 ngày) :

+ Lãi thực tế đã nhận: 1.500.000 đồng;
+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

5.000.000 đồng x 20%: 365 x 61 ngày = 167.123 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 1.500.000 đồng – 167.123 đồng = **1.332.877 đồng**.

20. Nguyễn Văn Đ cho Phạm Mạnh K, sinh năm 1987, trú tại thôn 20, Khánh T, Yên Khánh, Ninh Bình vay lãi nặng (Đặng Thị Thanh H không phải chịu trách nhiệm hình sự về lần cho vay này)

Lần 1: Ngày 12/01/2018, Nguyễn Văn Đ cho Phạm Mạnh K vay 20.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày. Khi cho vay, Đ thu luôn tiền lãi là 1.800.000 đồng. Sau đó, Đ thu thêm 9.400.000 đồng tiền lãi. Tổng cộng tiền lãi của 212 ngày, từ ngày 12/01/2018 đến ngày 12/8/2018 là 11.200.000 đồng.

Lần 2: Ngày 12/7/2018, Đ cho K vay thêm 20.000.000 đồng, lãi suất 3000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đ đã thu tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 12/7/2018 đến ngày 12/8/2018 là 1.800.000 đồng.

Bắt đầu từ ngày 12/8/2018, Đ tính lãi trên tổng số nợ gốc là 40.000.000 đồng.

Sau đó, Đ đã thu tiền lãi của 61 ngày, từ ngày 12/8/2018 đến ngày 12/10/2018 , tổng là 7.200.000 đồng.

Lần 3: Ngày 12/11/2018, Đ cho K vay 20.000.000 đồng. Đ tính tổng số tiền nợ của cả 03 lần cho Khởi vay là 60.000.000 đồng để tính trả lãi từ ngày 12/11/2018. Lúc này, Đ thu luôn tiền lãi của 30 ngày, từ ngày 12/11/2018 đến ngày 12/12/2018 là 5.400.000 đồng.

Việc Đ cho K vay tiền, nhận tiền lãi diễn ra từ trước khi Đặng Thị Thanh H tham gia. Sau khi biết và tham gia, K chỉ trả tiền nợ gốc, Đ cũng không lấy thêm lãi. Do vậy, H không phải chịu trách nhiệm hình sự về khoản vay này.

Tiền thu lời bất chính của Nguyễn Văn Đ như sau:

Tiền thu lời bất chính trong 212 ngày, từ ngày 12/01/2018 đến ngày 12/8/2018 của số nợ gốc 20.000.000 đồng vay lần 1:

+ Lãi thực tế đã nhận: 11.200.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

20.000.000 đồng x 20%: 365 x 212 ngày = 2.323.288 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 11.200.000 đồng – 2.323.288 đồng = 8.876.712 đồng.

Tiền thu lời bất chính trong 31 ngày, từ ngày 12/7/2018 đến ngày 12/8/2018 của số nợ gốc 20.000.000 đồng vay lần 2:

+ Lãi thực tế đã nhận: 1.800.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

20.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 339.726 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 1.800.000 đồng – 339.726 đồng = 1.460.274 đồng.

Tiền thu lời bất chính trong 61 ngày, từ ngày 12/8/2018 đến ngày 12/10/2018 của số nợ gốc 40.000.000 đồng (Của cả 02 lần vay):

+ Lãi thực tế đã nhận: 7.200.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

40.000.000 đồng x 20%: 365 x 61 ngày = 1.336.986 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 7.200.000 đồng – 1.336.986 đồng = 5.863.014 đồng.

Tiền thu lời bất chính trong 30 ngày, từ ngày 12/11/2018 đến ngày 12/12/2018 *của số nợ gốc 60.000.000 đồng (Của cả 03 lần vay):*

+ Lãi thực tế đã nhận: 5.400.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

60.000.000 đồng x 20%: 365 x 30 ngày = 986.301 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 5.400.000 đồng – 986.301 đồng = 4.413.699 đồng.

Tổng tiền thu lời bất chính của Đ là 20.613.699 đồng.

21. Nguyễn Văn Đ cho Phạm Văn B, sinh năm 1996, trú tại xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng (Đặng Thị Thanh H không phải chịu trách nhiệm hình sự về lần cho vay này)

Ngày 14/12/2018, Nguyễn Văn Đ cho Phạm Văn B vay 10.000.000 đồng, lãi 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, thu tiền lãi của 31 ngày, từ ngày 14/12/2018 đến ngày 14/01/2019 là 1.500.000 đồng.

Đặng Thị Thanh H không tham gia việc thu lời bất chính của B nên không chịu trách nhiệm hình sự. Số tiền thu lời bất chính Đ phải chịu trách nhiệm hình sự là:

+ Lãi thực tế đã nhận: 1.500.000 đồng;

+ Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

10.000.000 đồng x 20%: 365 x 31 ngày = 169.863 đồng;

+ Tiền thu lời bất chính: 1.500.000 đồng – 169.863 đồng = 1.330.137 đồng.

22. Cho Phạm Văn T, sinh năm 1994, trú tại xóm Tây P, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình vay lãi nặng (Đặng Thị Thanh H không phải chịu trách nhiệm hình sự về lần cho vay này)

Ngày 27/8/2018, Nguyễn Văn Đ cho Phạm Văn T vay 10.000.000 đồng, lãi suất 5000 đồng/1 triệu/1 ngày. Đ cắt lãi luôn 31 ngày, từ ngày 27/8/2018 đến ngày 27/9/2018 là 1.800.000 đồng và cộng vào số nợ gốc. Bắt đầu từ ngày 27/9/2018, Đ và T tính tiền nợ gốc là 11.800.000 đồng với lãi là 1.800.000 đồng/1 tháng. T đã trả lãi 04 tháng nhưng tháng cuối nợ 800.000 đồng, tổng tiền lãi đã trả là là 6.400.000 đồng. Lần cuối cùng trả lãi cho Đ là ngày 27/11/2018, trả được 1.000.000 đồng còn thiếu 800.000 đồng.

Đ phải chịu trách nhiệm về số tiền thu lời bất chính tính từ ngày 27/8/2018 đến ngày 27/12/2018 (122 ngày)

- Lãi thực tế đã nhận: 6.400.000 đồng;

- Tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm:

11.800.000 đồng x 20%: 365 x 122 ngày = 788.822 đồng;

- Tiền thu lời bất chính: 6.400.000 đồng - 788.822 đồng **= 5.611.178 đồng**.

Ngoài 22 người mà Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H đã cho vay tiền, lãi nặng như đã nêu trên. Trong sổ ghi nợ thể hiện Nguyễn Văn Đ còn cho 16 người khác vay tiền lãi nặng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không triệu tập, làm việc được với những người vay này, quá trình điều tra không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi cho vay lãi nặng của Đ đối với những người này. Ngoài ra, còn có trường hợp Đ cho vay với mức lãi xuất thấp hơn 100%/năm nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Đ trong những trường hợp này.

Quá trình điều tra, Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Về thu giữ, xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã thu giữ của Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S8+ lắp 02 sim thuê bao số 0888131999 và 0962456226, 01 điện thoại di động Nokia 105 lắp sim thuê bao số 0906009227. Nguyễn Văn Đ và Đặng Thị Thanh H giao nộp 01 sổ ghi nợ, 13 giấy biên nhận vay tiền, 01 giấy bán xe. Đảng ủy xã Khánh T, huyện Yên Khánh cung cấp: 01 Sổ ghi Nghị quyết dân vận năm 2016, 03 Bản kiểm điểm cá nhân, 04 Bản tự kiểm điểm đánh giá chất lượng đảng viên của Đặng Thị Thanh H.

Xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho Đảng ủy xã Khánh T các tài liệu đã thu giữ; đưa vào hồ sơ vụ án 01 sổ ghi nợ, 13 giấy biên nhận vay tiền, 01 giấy bán xe Đ và H đã giao nộp. Vật chứng còn lại là 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S8+ lắp 02 sim thuê bao số 0888131999 và 0962456226, 01 điện thoại di

động Nokia 105 lắp sim thuê bao số 0906009227 thu giữ của Nguyễn Văn Đ chuyển cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh quản lý theo quy định.

Tại bản cáo trạng số: 41/CT-VKSK, ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố các bị cáo để xét xử Nguyễn Văn Đ về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự. Đặng Thị Thanh H về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo, đúng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh đã truy tố và thừa nhận bản cáo trạng truy tố về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là đúng người đúng tội.

Tại phiên toà Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội, sau khi phân tích đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đã giữ nguyên quan điểm như đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 201; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; Điều 36; các điểm b, i , s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Thị Thanh H.

Xử phạt:

+ Bị cáo Nguyễn Văn Đ từ 9 tháng đến 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án. Phạt bổ sung bị cáo từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt tù của Bản án này với hình phạt 06 tháng tù của Bản án số 28/2019/HS – PT ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình, buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung của 02 Bản án là từ 15 đến 18 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

+ Bị cáo Đặng Thị Thanh H từ 09 tháng đến 12 tháng cải tạo không giam giữ. Khấu trừ 5% thu nhập của bị cáo trong thời gian chấp hành hình phạt.Giao bị cáo Đặng Thị Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự;

- Buộc vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H phải nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền các bị cáo dùng làm phương tiện cho vay lãi nặng (đã được những người vay tiền trả lại) là 460.000.000 đồng và số tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm các bị cáo đã thu của những người vay là 34.029.917 đồng. Tổng cộng là 494.029.917 đồng.

- Buộc các anh Nguyễn Trường V, Tống Minh N, Đỗ Quốc H, Phạm Văn T phải nộp ngân sách nhà nước số tiền đã vay của bị cáo Nguyễn Văn Đ nhưng chưa trả cho bị cáo. Cụ thể: Anh Nguyễn Trường V phải nộp 30.000.000 đồng, anh Tống Minh N phải nộp 20.000.000 đồng, anh Đỗ Quốc H phải nộp 10.000.000 đồng, Phạm Văn T phải nộp 10.000.000 đồng.

- Đối với số tiền thu lời bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng của vợ chồng các bị cáo Đ, H là 174.120.083 đồng. Theo quy định thì số tiền này được trả lại cho những người vay. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã tự nguyện trả lại cho những người này số tiền thu lời bất chính tổng là 147.334.466 đồng. Những người vay đã nhận tiền và không có yêu cầu gì nên không xem xét giải quyết.

- Buộc vợ chồng bị cáo Đ, H phải trả lại cho những người vay số tiền thu lời bất chính còn lại là 26.785.617 đồng. Cụ thể: Trả cho các anh Đỗ Quốc H 3.995.890 đồng, Trần Văn T 2.560.959 đồng, Nguyễn Trường V 5.309.590 đồng, Mai Châu G 1.332.877 đồng, Tống Minh N là 13.586.301 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hết khoản tiền trên thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S8+, vỏ màu đen có số sê ri 1: 359116080843890/01; số rê ri 2: 359117080843898/01 thu giữ của bị cáo Đ và 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu trắng có số Imei:357342080542991 thu giữ của bị cáo H.

- Tịch thu tiêu hủy 02 sim điện thoại di động thuê bao số 0888131999 và 0962456226 lắp trong máy điện thoại Samsung Galaxy S8 thu giữ của bị cáo Đ và 01 sim điện thoại di động thuê bao số 0906009227 lắp trong điện thoại Nokia 105 thu giữ của bị cáo H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt song tại cơ quan điều tra có lời khai phù hợp với lời khai của các bị cáo về số tiền vay và khoản tiền lãi. Người làm chứng đều vắng mặt, trong hồ sơ đã có lời khai, xác định nội dung sự việc là đúng.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận gì, đều nhận thấy hành vi phạm tội là đúng nên xin Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức án thấp nhất để tạo điều kiện sửa chữa lỗi lầm đối với bản thân các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Yên Khánh, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục được quy định trong Bộ luật tố tụng hình sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người liên quan không có ý kiến khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do vậy các hành vi,

quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai tại phiên tòa của các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H đúng như nội dung của bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình đã truy tố. Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và biên bản người phạm tội tự thú được lập hồi 7h 35 phút ngày 08/01/2019 của cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó xác định được trong khoảng thời gian từ năm 2017 đến tháng 01 năm 2019, mặc dù không đăng ký, không được cấp phép kinh doanh trong lĩnh vực tài chính, song Đ đã cho 21 người vay lãi nặng với mức lãi suất thấp nhất là 3.000 đồng/1.000.000 đồng đến cao nhất là 7.000 đồng/1.000.000 đồng tiền vay/01 ngày (tương đương mức lãi suất từ 109,5%/năm đến 255,5%/năm), đều gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật dân sự 2015 (Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định, lãi suất cho vay cao nhất là không quá 20%/năm). Tính từ ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 có hiệu lực) cho đến thời điểm bị phát hiện, tổng số tiền lãi những người vay đã trả cho Đ là 208.150.000 đồng. Trong đó, tiền lãi hợp pháp tính theo mức lãi suất cao nhất (20%/năm) được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự là 34.029.917 đồng, tiền thu lời bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng của Đ là 174.120.083 đồng.

Số tiền gốc là 530.000.000 đồng mà Đ dùng để cho vay lãi nặng là tiền chung của Đ và vợ Đ là Đặng Thị Thanh H. Việc cho vay, thu lãi, giao nhận tiền được Đ trực tiếp giao dịch hoặc chuyển khoản thông qua tài khoản ngân hàng của Đ hoặc của H. Quá trình cho vay tiền, Nguyễn Văn Đ dùng 01 quyển sổ ghi chép lại việc cho vay, thu lãi để theo dõi. Giai đoạn này, Đặng Thị Thanh H chưa biết, chưa tham gia cùng Đ trong việc cho vay lãi nặng. Đến cuối tháng 11 đầu tháng 12 năm 2018 (trước thời điểm Đại hội Mặt trận tổ quốc xã Khánh T, huyện Yên Khánh ngày 05/12/2018), Đ nhờ H chép các nội dung Đ cho vay tiền sang 01 quyển sổ khác. Lúc này, H biết rõ việc Đ dùng số tiền chung của vợ chồng để cho vay lãi nặng và H tham gia cùng Đ. H chép sổ cho Đ để quản lý, theo dõi. Các trường hợp vay tiền, H ghi cụ thể ngày cho vay, người vay, số tiền cho vay, mức lãi suất, khoảng thời gian và số tiền lãi đã thu, tiền nợ gốc người vay đã trả. H còn đồng ý với việc Đ sử dụng tài khoản ngân hàng của H để thực hiện các giao dịch chuyển tiền và nhận tiền lãi.

Tính từ thời điểm biết và tham gia cho đến khi hành vi phạm tội bị phát hiện, H đã cùng với Đ cho vay lãi nặng, thu lời bất chính đối với 18 người; tổng số tiền lãi những người vay đã trả cho vợ chồng Đ, H kể từ khi H tham gia là 45.800.000 đồng. Trong đó, tiền lãi tính theo mức lãi suất cao nhất (20%/năm) được quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 là 7.172.603 đồng, tiền thu lời bất chính là 38.627.397 đồng. Do vậy về hành vi của bị cáo Đ đã đầy đủ yếu tố cấu thành tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, hành vi của bị cáo H đã đủ yếu tố cấu thành tội " Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Vụ án thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nhưng hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực tài chính mà hành vi phạm tội của các bị cáo đã làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống các tệ nạn xã hội. Các bị cáo là những người có đầy đủ năng lực pháp luật hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng là bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích hám lợi và thái độ xem thường pháp luật nên các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy cần có đường lối xử phạt nghiêm minh, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện.

[3] Xét vị trí, vai trò, mức độ nguy hiểm về hành vi phạm tội của từng bị cáo trong vụ án thấy rằng: Bị cáo Đ và H là vợ chồng, khi thực hiện hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự bàn bạc thống nhất từ trước. Bị cáo Đ là người thực hiện hành vi giao dịch cho vay lãi nặng từ trước với thời gian dài và nhiều lần giao dịch thu lãi và gốc với số tiền thu lời bất chính là 174.120.083 đồng. Do đó bị cáo Đ phải chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò đầu trong vụ án và là tình tiết định khung hình phạt. Đối với bị cáo H sau khi được Đ nhờ chép lại sổ và biết được việc Đ cho vay lãi nặng lại không có ý can ngăn mà đồng ý tham gia cùng và ghi chép sổ để theo dõi, quản lý việc cho vay lãi nặng để cùng với bị cáo Đ thu lời bất chính. Số tiền thu lời bất chính mà bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự là 38.627.397 đồng. Do đó bị cáo H phải chịu trách nhiệm hình sự và giữ vai trò là đồng phạm trong vụ án.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều không có tình tiết tặng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đ, H đều có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là trong quá trình đều tra và tại phiên tòa luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã tự nguyện khắc phục hậu quả bằng cách hoàn trả phần lớn số tiền thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H áp dụng thêm tình tiết phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng theo điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Đ đã tự thú về hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên được hưởng thêm tình tiết tự thú theo điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về nhân thân: Tại Bản án số 28/2019/HS-PT ngày 23/8/2019, Nguyễn Văn Đ bị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xử phạt 06 tháng tù về tội "Đánh bạc". Đến nay bị cáo chưa chấp hành hình phạt tù. Cần tổng hợp buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của cả hai bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự.

[5] Căn cứ quy định của Bộ luật hình sự cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy đối với bị cáo Đ là người giữ vai trò đầu, phạm tội lần này khi đang phải chấp hành bản án với mức hình phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc, nên cần phải áp dụng hình phạt tù để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân tốt cho

gia đình và xã hội. Đối với bị cáo H cần áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ và khấu trừ một phần thu nhập là phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo.

Ngoài hình phạt chính, cần áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Đ là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự. Riêng đối với bị cáo H bản thân bị bệnh mới phải phẫu thuật, sức khỏe yếu, không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Ngoài 22 người mà Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H đã cho vay tiền, lãi nặng như đã nêu trên. Trong sổ ghi nợ thể hiện Nguyễn Văn Đ còn cho 16 người khác vay tiền lãi nặng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không triệu tập, làm việc được với những người vay này, quá trình điều tra không đủ căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự về hành vi cho vay lãi nặng của Đ đối với những người này. Ngoài ra, còn có trường hợp Đ cho vay với mức lãi xuất thấp hơn 100%/năm nên Cơ quan điều tra không xem xét trách nhiệm hình sự đối với Đ trong những trường hợp này.

[6] Về trách nhiệm dân sự, biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng và tài sản thu giữ: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự;

- Về số tiền các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H đã sử dụng làm phương tiện cho vay lãi nặng: Mặc dù, trong sổ ghi nợ tổng số tiền nợ gốc các bị cáo cho 22 người vay để thu lãi là 630.000.000 đồng. Tuy nhiên, thực tế các bị cáo chỉ sử dụng tổng số tiền 530.000.000 đồng để cho vay lãi nặng. Riêng trường hợp cho Nguyễn Văn T, Phạm Văn B vay tiền và cho Bùi Trọng T, Nguyễn Trường V vay lần hai, mặc dù tổng số tiền cho vay tính lãi là 200.000.000 đồng, nhưng thực tế Đ chỉ sử dụng số tiền 100.000.000 đồng để cho vay lãi nặng: Lần thứ nhất, ngày 28/10/2018, cho T vay 50.000.000 đồng; lần thứ hai, ngày 14/11/2018, cho T vay 50.000.000 đồng. Sau đó, cuối tháng 11/2018, T đã trả cho Đ 50.000.000 đồng. Bị cáo Đ đã dùng số tiền 50.000.000 đồng này để cho các anh Nguyễn Trường V vay 30.000.000 đồng vào ngày 18/12/2018, Bùi Trọng T vay 10.000.000 đồng vào ngày 29/12/2018, Phạm Văn B vay 10.000.000 đồng vào ngày 14/12/2018. Đến ngày 18/12/2018, anh T tiếp tục trả 50.000.000 đồng cho Đ nhưng đến ngày 19/12/2018, Đ dùng số tiền 50.000.000 đồng này cho T vay lại. Đối với trường hợp cho Tống Minh N vay, thực tế bị cáo Đ chỉ dùng số tiền 35.000.000 đồng để cho N vay.

Trong tổng số tiền 530.000.000 đồng vợ chồng bị cáo Đ, H đã dùng làm phương tiện cho vay lãi nặng, tính đến ngày xét xử sơ thẩm các bị cáo đã được những người vay tiền trả tổng cộng 460.000.000 đồng. Cần buộc các bị cáo phải nộp lại để sung ngân sách Nhà nước số tiền này. Còn lại 70.000.000 đồng, những người vay tiền chưa trả cho các bị cáo, gồm: Anh Đỗ Quốc H còn nợ 10.000.000 đồng; anh Nguyễn Trường V còn nợ 30.000.000 đồng, anh Tống Minh N còn nợ 20.000.000 đồng; anh Phạm Văn T còn nợ 10.000.000 đồng. Cần buộc các anh H, V, N, T phải nộp lại số tiền này để sung ngân sách Nhà nước.

- Về số tiền lãi: Tổng số tiền lãi mà các bị cáo đã nhận của những người vay tiền là 208.150.000 đồng. Trong đó, tiền lãi tính theo mức lãi suất 20%/năm là 34.029.917 đồng, đây là tiền do các bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Còn lại 174.120.083 đồng tiền lãi vượt quá mức lãi suất 20%/năm là tiền thu lời bất chính từ hoạt động cho vay lãi nặng của Đ và H, theo

quy định thì các bị cáo phải trả lại cho người vay số tiền thu lời bất chính này. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm, các bị cáo đã tự nguyện trả lại cho những người vay tổng số tiền là 147.334.466 đồng (gồm: Trả cho anh Phạm Ngọc S 1.465.573 đồng, anh anh Phạm Minh Q 5.127.397 đồng, anh Vũ Ngọc D 2.555.479 đồng; anh Đỗ Mạnh H 5.216.438 đồng; anh Dương Văn H 11.715.069 đồng; anh Nguyễn anh Đ 38.503.561 đồng; anh Đầu Xuân K 7.797.260 đồng; anh Phạm Quyết T 8.783.562 đồng; anh Phạm Văn T 1.471.233 đồng; anh Nguyễn Văn X 2.220.548 đồng; anh Nguyễn Hữu N 8.701.918 đồng; anh Nguyễn Minh L 3.330.822 đồng; anh Nguyễn Văn T 18.866.439 đồng; anh Bùi Trọng T 4.023.973 đồng; anh Phạm Mạnh K 20.613.699 đồng; anh Phạm Văn B 1.330.137 đồng; anh Phạm Văn T 5.611.178 đồng). Những người vay trên đã nhận tiền không có yêu cầu gì (được thể hiện bằng văn bản có xác nhận của chính quyền địa phương) nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Đối với số tiền thu lời bất chính còn lại là 26.785.617 đồng do các bị cáo chưa trả cho người vay, nay cần buộc các bị cáo có trách nhiệm phải trả lại số tiền này. Cụ thể: Trả cho anh Đỗ Quốc H số tiền 3.995.890 đồng; anh Trần Văn T số tiền 2.560.959 đồng; anh Nguyễn Trường V số tiền 5.309.590 đồng; anh Tống Minh N số tiền 13.586.301 đồng; anh Mai Châu G số tiền 1.332.877 đồng.

Bị cáo Đ và bị cáo H là vợ chồng, quá trình điều tra và tại phiên tòa xác định số tiền các bị cáo dùng làm phương tiện cho vay lãi nặng là tiền chung của vợ chồng; số tiền lãi thu được đều dùng và chi tiêu chung trong gia đình. Tại phiên tòa các bị cáo Đ và H tự nguyện nhận trách nhiệm chung trong việc nộp và trả lại số tiền trên, do vậy cần chấp nhận để buộc các bị cáo.

- Đối với 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S8+, vỏ màu đen có số sê ri 1: 359116080843890/01; số rê ri 2: 359117080843898/01 thu giữ của bị cáo Đức và 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu trắng có số Imei:357342080542991 thu giữ của bị cáo H là phương tiện các bị cáo sử dụng liên lạc trong việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 03 chiếc sim thu giữ theo điện thoại di động của các bị cáo gồm: Số thuê bao thuê bao số 0888131999 và số 0962456226 được lắp trong máy điện thoại Samsung Galaxy S8+ và số thuê bao 0906009227 được lắp trong máy điện điện thoại di động Nokia 105 là vật chứng của vụ án do không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/6/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố các bị cáo: Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

- Căn cứ khoản 2 và khoản 3 Điều 201; các điểm b, r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn Đ.

- Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm b, i , s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Thị Thanh H.

+ Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án. Phạt bổ sung 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Căn cứ khoản 1 Điều 56 Bộ luật hình sự, tổng hợp với hình phạt 06 tháng tù về tội đánh bạc, của bản án số 28/2019/HS-PT ngày 23/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình. Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải chấp hành hình phạt chung là 15 (mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án. Phạt bổ sung 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Đặng Thị Thanh H 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình nhận được Quyết định thi hành án và bản sao bản án. Khấu trừ một phần thu nhập là 5% của bị cáo Đặng Thị Thanh H trong thời gian chấp hành hình phạt.

Giao bị cáo Đặng Thị Thanh H cho Ủy ban nhân dân xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình là nơi bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

2. Về các biện pháp tư pháp, trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Buộc vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn Đ và Đặng Thị Thanh H có trách nhiệm trả lại số tiền đã thu lời bất chính cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với tổng số tiền là 26.785.617 đồng, gồm:

+ Trả cho anh Đỗ Quốc H; sinh năm 1988; trú tại: Xóm Phú H, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, số tiền 3.995.890 đồng (ba triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn tám trăm chín mươi đồng).

+ Trả cho anh Trần Văn T; sinh năm 1992; trú tại: Xóm 2, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, số tiền 2.560.959 đồng (hai triệu năm trăm sáu mươi nghìn chín trăm chín mươi lăm đồng).

+ Trả cho anh Nguyễn Trường V; sinh năm 1984; trú tại: Phố 1, phường Đông T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình, số tiền 5.309.590 đồng (năm triệu ba trăm linh chín nghìn năm trăm chín mươi đồng).

+ Trả cho anh Tống Minh N; sinh năm 1995; trú tại: Xóm 5B, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, số tiền 13.586.301 đồng (mười ba triệu năm trăm tám mươi sáu nghìn ba trăm linh một đồng).

+ Trả cho anh Mai Châu G; sinh năm 1983; trú tại: Xóm 1A, xã Khánh N,

huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình, số tiền 1.332.877 đồng (một triệu ba trăm ba mươi hai nghìn tám trăm bảy mươi bảy đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án không thi hành hết khoản tiền trên thì người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự.

- Buộc vợ chồng bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H phải nộp sung ngân sách Nhà nước số tiền 460.000.000 đồng các bị cáo dùng làm phương tiện cho vay lãi nặng đã được những người vay tiền trả lại và số tiền 34.029.917 đồng do phạm tội mà có (tiền lãi tính theo mức lãi xuất 20%/năm các bị cáo đã thu của những người vay). Tổng cộng là 494.029.917 đồng (bốn trăm chín mươi bốn triệu không trăm hai mươi chín nghìn chín trăm mười bẩy đồng).

- Buộc anh Đỗ Quốc H; sinh năm 1988; trú tại: Xóm Phú H, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình phải nộp lại số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Nguyễn Trường V; sinh năm 1984; trú tại: Phố 1, phường Đông T, thành phố Ninh Bình, tỉnh Ninh Bình phải nộp lại số tiền là 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Tống Minh N; sinh năm 1995; trú tại: Xóm 5 B, xã Khánh N, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình phải nộp lại số tiền là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

- Buộc anh Phạm Văn T; sinh năm 1994; trú tại: Xóm Tây P, xã Khánh T, huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình phải nộp lại số tiền là 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Samsung Galaxy S8+, vỏ màu đen số sê ri 1: 359116080843890/01; số sê ri 2: 359117080843898/01 thu giữ của bị cáo Đ và 01 điện thoại di động Nokia 105, vỏ màu trắng có số Imei:357342080542991 thu giữ của bị cáo H là vật chứng của vụ án.

+ Tịch thu tiêu hủy 03 chiếc sim điện thoại di động được lắp theo máy gồm: Số thuê bao thuê bao số 0888131999 và số 0962456226 được lắp trong máy điện thoại Samsung Galaxy S8+ và số thuê bao 0906009227 được lắp trong máy điện điện thoại di động Nokia 105 là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng.

Số vật chứng trên có đặc điểm như mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/8/2019 giữa Công an huyện Yên Khánh và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Khánh, tỉnh Ninh Bình.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án. Buộc các bị cáo Nguyễn Văn Đ, Đặng Thị Thanh H, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có

quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án Dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự./

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Yên Khánh;
- Cơ quan CSĐT.CA huyện Yên Khánh;
- Cơ quan THAHS huyện Yên Khánh;
- Chi cục THADS huyện Yên Khánh;
- Các bị cáo; Người CQLNVLQ.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Nhật Trung.